TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂKTÔ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:50 /2020/QĐST-HNGĐ	*ĐăkTô, ngày* 18 *tháng* 9 *năm* 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y NH - Sinh năm 1993,

- Bị đơn: Anh A MH - Sinh năm 1993,

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã ĐT, huyện C, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y NH và anh A MH.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Về quan hệ hôn nhân***: Chị Y NH và anh A MH thuận tình ly hôn.

**** Về con chung***: Có 01 con, tên Y Minh Như, sinh ngày 29/3/2017. Giao con Y Minh Như cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con trưởng thành và tự lập được. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ(Năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con trưởng thành và tự lập được. Anh H có quyền thăm con mà không ai được ngăn cản.

Áp dụng điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 : Đến thời hạn cấp dưỡng nuôi con nếu anh H không cấp dưỡng đủ số tiền nuôi con đã thỏa thuận và chị H có đơn yêu cầu thi hành án thì anh H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Án phí:* Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5,** điểm b khoản 6 **điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:**

Chị Y NH và anh A MH **mỗi người phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000 đồng. Anh** A MH phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ. Tổng số tiền án phí phải nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng). Chị Hoa **tự nguyện nộp thay toàn bộ tiền án phí cho** anh H . **Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003776 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐăkTô.** Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh Kon Tum,
- VKSND huyện Đăk Tô
- Chi cục THADS huyện ĐăkTô,
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn, **Chu Thị Châu**
- Lưu hồ sơ vụ án